TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHỢ GẠO** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **229**/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 28/5/2020
V/v: "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ GẠO, TỈNH TIỀN GIANG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Vĩnh Lộc

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hoa Kiều;
2. Ông Trương Hoàng Hoa.

- ***Thư ký phiên toà***: Bà Nguyễn Dương Kim Cương - Thư ký Toà án nhân dân huyện Chợ Gạo.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Gạo tham gia phiên toà:*** Bà Đinh Thị Tuyết Hằng – Kiểm sát viên

Ngày 28 tháng 5 năm 2020 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 24/2020/TLST - HNGĐ ngày 08 tháng 01 năm 2020 về tranh chấp "Ly hôn,Tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 37/2020/QĐXXST - DS ngày 22 tháng 4 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Chị N, sinh năm 1990; Địa chỉ: ấp T, xã H, huyện T, tỉnh V.

2. *Bị đơn:* Anh D, sinh năm 1985; Địa chỉ: ấp C, xã D, huyện G, tỉnh G

Chị N có mặt, anh D vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện ngày 31 tháng 12 năm 2019 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn chị N trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh D cưới nhau vào năm 2007 và có đăng ký kết hôn. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng sống không hạnh phúc, bất đồng quan điểm dẫn đến thường xuyên cự cãi. Chị và anh D đã ly thân từ năm 2019 cho đến nay. Nay chị thấy vợ chồng không còn hạnh phúc và không thể hàn gắn được nên anh yêu cầu ly hôn với anh D

Về con chung: Có một con chung tên Nguyễn Thị Như Trâm, sinh ngày 28/3/2007. Hiện cháu Trâm đang sống cùng với chị. Khi ly hôn chị yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi con.

Về cấp dưỡng nuôi con: Không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có

- Quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án, Toà án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh D biết để tham gia phiên tòa theo quy định nhưng anh D vẫn không có mặt để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình, cũng không cung cấp chứng cứ hoặc có ý kiến bằng văn bản phản hồi về việc chị N khởi kiện, nên vụ án không tiến hành hòa giải được theo quy định tại Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Gạo phát biểu quan điểm

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký là đúng quy định của pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của đương sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đúng quy định pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1] Về thẩm quyền: Chị N có đơn khởi kiện yêu cầu giải quyết ly hôn với anh D. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo.

[1.2] Về sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn là anh D đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Chị N và anh D cưới nhau vào năm 2007, hôn nhân tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hòa Định, huyện Chợ Gạo vào năm 2009 là phù hợp với Điều 11 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000. Quá trình vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn theo chị N khai là do vợ chồng sống không hạnh phúc, bất đồng quan điểm dẫn đến thường xuyên cự cãi và vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2019 đến nay.

Tại phiên tòa hôm nay chị N vẫn giữ yêu cầu ly hôn với anh D. Xét thấy anh D đã được Tòa án triệu tập đến để hòa giải đoàn tụ nhưng anh vẫn vắng mặt không có lý do, cho thấy phía anh D không có thiện chí nhằm hàn gắn tình cảm vợ chồng, thời gian sống ly thân giữa chị N và anh D đã kéo dài mà không giải quyết được mâu thuẫn. Hội đồng xét xử xét thấy đời sống hôn nhân giữa chị N và anh D đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được, do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị N và quan điểm của đại

diện Viện Kiểm sát, cho chị N ly hôn với anh D là phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Chị N và anh D có một con chung tên Nguyễn Thị Như Trâm, sinh ngày 28/3/2007. Chị N yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung. Xét thấy, do hiện cháu Trâm đang sống trực tiếp với chị N nên để tránh xáo trộn trong cuộc sống của cháu ảnh hưởng đến việc học tập, sinh hoạt, xuất phát từ lợi ích mọi mặt của cháu Trâm cũng như cháu Trâm có nguyện vọng được sống trực tiếp với mẹ, do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị N và quan điểm điểm của đại diện Viện Kiểm sát, giao cháu Trâm cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Không yêu cầu giải quyết.

[2.4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị N khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Chị N phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[4] Về quyền kháng cáo đối với bản án: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 56; Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Toà án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa N và anh D.

2. Về nuôi con chung: Giao con chung Nguyễn Thị Như Trâm, sinh ngày 28/3/2007 cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng.

Anh D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị N phải chịu tiền án phí sơ thẩm là 300.000 đồng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 3345 ngày 07 tháng 01 năm 2020 của Cơ quan thi hành án dân sự huyện Chợ Gạo.

4. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Các đương sự;
- Chi Cục THADS;
- UBND xã Hòa Định, huyện Chợ Gạo
- Lưu.

TM - HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Nguyễn Vĩnh Lộc